

Số: /QĐ-UBND

Gia Lai, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Chiến lược dữ liệu tỉnh Gia Lai đến năm 2030

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật An ninh mạng ngày 12 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 22 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật Dữ liệu ngày 30 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân ngày 26 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật chương trình hành động của chính phủ thực hiện nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của bộ chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23 tháng 07 năm 2025 của Chính phủ về Ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện;

Căn cứ Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;

Căn cứ Nghị định số 278/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị;

Căn cứ Quyết định số 142/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2024 của Thủ

tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030

Căn cứ Quyết định số 2439/QĐ-TTg ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Khung Kiến trúc Dữ liệu quốc gia, Khung Quản trị, Quản lý Dữ liệu quốc gia, Tờ diễn Dữ liệu dùng chung (Phiên bản 1.0);

Căn cứ Quyết định số 3090/QĐ-BKHCN ngày 08 tháng 10 năm 2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số (Phiên bản 1.0);

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Gia Lai lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030;

Căn cứ Quyết định số 3388/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Khung kiến trúc số tỉnh Gia Lai;

Theo đề nghị của Giám đốc Công an tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt chiến lược dữ liệu tỉnh Gia Lai đến năm 2030 với những nội dung như sau:

I. QUAN ĐIỂM

Chiến lược Dữ liệu tỉnh Gia Lai được xây dựng dựa trên các quan điểm chỉ đạo cốt lõi, thể hiện nhận thức và quyết tâm của Tỉnh trong việc kiến tạo và khai thác tài nguyên dữ liệu:

1. Chiến lược dữ liệu của tỉnh phải phù hợp, thống nhất, kết nối với chiến lược dữ liệu quốc gia: Chiến lược dữ liệu bám sát chủ trương, đường lối, quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; phù hợp với định hướng, quan điểm, mục tiêu của Chiến lược dữ liệu quốc gia và Chiến lược dữ liệu tại Trung tâm dữ liệu quốc gia do Thủ tướng Chính phủ ban hành, đồng thời tích hợp chặt chẽ với Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng Trí tuệ nhân tạo đến năm 2030 và các quy hoạch chiến lược thuộc các ngành, lĩnh vực của tỉnh.

2. Dữ liệu là hạ tầng chiến lược, tài nguyên cốt lõi: Xác định dữ liệu số là một loại tài nguyên mới, là yếu tố sản xuất quan trọng, là hạ tầng phi vật thể chiến lược của Tỉnh. Phát triển và khai thác dữ liệu là động lực then chốt để thực hiện thành công ba trụ cột: Chính quyền số, Kinh tế số và Xã hội số, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của tỉnh.

3. Dữ liệu là công cụ điều hành và động lực chuyển đổi: Dữ liệu là nền tảng để chuyển đổi phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành từ truyền thống sang dựa

trên dữ liệu. Đây là chìa khóa để thực hiện thắng lợi mục tiêu chuyển đổi mô hình phát triển “từ nâu sang xanh”, gắn liền với chuyển đổi xanh, chuyển đổi năng lượng. Dữ liệu là đầu vào thiết yếu để thực thi chiến lược “Vận hành thông minh (AI First)”, đưa AI trở thành năng lực cốt lõi trong quản lý nhà nước và phát triển kinh tế địa phương.

4. Ưu tiên phát triển các nhóm CSDL đặc thù, mang bản sắc địa phương phục vụ các ngành mũi nhọn và các bài toán riêng của tỉnh, bao gồm: (1) Nhóm dữ liệu cho các ngành kinh tế mũi nhọn: Công nghiệp (chế biến, chế tạo, công nghệ cao) , Du lịch và Di sản (dữ liệu du khách, hành vi, dịch vụ), Cảng biển và Logistics (kết nối cảng, kho bãi, hải quan), Nông nghiệp, Thủy sản (truy xuất nguồn gốc, OCOP), Năng lượng (năng lượng tái tạo, năng lượng mới); (2) Nhóm dữ liệu phục vụ quản lý đô thị thông minh và bền vững: Môi trường (quan trắc không khí, nguồn nước, KCN), Đô thị thông minh (giao thông, an ninh, GIS); (3) Nhóm dữ liệu phục vụ an sinh xã hội: Y tế và Dân cư (hồ sơ sức khỏe), An sinh và Giáo dục.

5. Phát triển dữ liệu tuân thủ các nguyên tắc cốt lõi:

(1) Tuân thủ và thống nhất: Tuân thủ các nguyên tắc, tiêu chuẩn, kiến trúc dữ liệu quốc gia, đảm bảo tính liên thông, chia sẻ, kết nối và tích hợp với các hệ thống, cơ sở dữ liệu (CSDL) quốc gia.

(2) Liên thông và toàn diện: Dữ liệu là hạ tầng then chốt để liên thông từ chính quyền điện tử đến chính quyền số, kiến tạo các đô thị thông minh. Dữ liệu phải “đúng, đủ, sạch, sống”, được chia sẻ và kết nối thông suốt từ cấp trung ương, cấp tỉnh đến cơ sở.

(3) Lấy con người làm trung tâm: Phát triển dữ liệu phải đặt người dân, doanh nghiệp vào vị trí trung tâm; nâng cao trải nghiệm dịch vụ công, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, cải thiện các chỉ số PAR Index, PCI, PAPI.

(4) An toàn và chủ động: Bảo đảm tuyệt đối an toàn, an ninh, bảo mật thông tin và quyền riêng tư của cá nhân, tổ chức trong suốt vòng đời dữ liệu. Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân.

(5) Gắn liền với đột phá chiến lược: Phát triển dữ liệu phải gắn liền với cải cách hành chính, đổi mới thể chế; là hạt nhân của đột phá về khoa học công nghệ, hướng tới mục tiêu tự chủ và làm chủ các nền tảng công nghệ chiến lược (AI, Big Data, IoT, Digital Twin), đổi mới sáng tạo và phát triển nguồn nhân lực số chất lượng cao.

(6) Phát huy vai trò chủ động trong bối cảnh phân cấp: tỉnh Gia Lai tuân thủ mô hình phân cấp, trong đó Trung ương phát triển các nền tảng, hệ thống, CSDL chuyên ngành dùng chung, tỉnh với vai trò là địa phương đi đầu, chủ động thực thi vai trò là chủ thể tạo lập, số hóa, chuẩn hóa và đồng bộ dữ liệu từ địa phương lên các CSDL chuyên ngành quốc gia do Trung ương xây dựng; đồng thời, tập trung nguồn lực phát triển mạnh mẽ các CSDL đặc thù, mang bản sắc địa phương để giải quyết các bài toán riêng có, tạo lợi thế cạnh tranh.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Hoàn thiện thể chế, hạ tầng và nền tảng dữ liệu dùng chung của Tỉnh, đảm bảo tính đồng bộ, liên thông, thông suốt từ cấp tỉnh đến cấp xã và kết nối hiệu quả với các hệ thống dữ liệu quốc gia. Đưa dữ liệu trở thành tài sản chiến lược và là yếu tố đầu vào thiết yếu cho mọi hoạt động ra quyết định dựa trên dữ liệu trong toàn bộ hệ thống chính trị và các hoạt động kinh tế - xã hội.

Xây dựng một hệ sinh thái dữ liệu mở đa dạng, an toàn và minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và người dân tham gia khai thác và tạo ra giá trị mới, thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển của kinh tế tư nhân, góp phần tăng tỷ trọng giá trị gia tăng của nền kinh tế số trong GRDP lên từ 25-30% đưa tỉnh Gia Lai vào nhóm 10 địa phương dẫn đầu cả nước về Chỉ số Chuyển đổi số (DTI) và Chỉ số Cải cách hành chính (PAR Index).

2. Mục tiêu cụ thể

a) Về phát triển dữ liệu phục vụ chính quyền số

** Giai đoạn 2026-2027:*

- Hoàn thành việc tạo lập, số hóa, chuẩn hóa và đồng bộ dữ liệu từ các cơ sở dữ liệu, hồ sơ công việc đang quản lý tại địa phương lên 13 CSDL quốc gia trọng yếu theo quy định của Chính phủ, bao gồm: (1) Đất đai, (2) Tài chính, (3) Giáo dục và Đào tạo, (4) Hộ tịch điện tử, (5) Y tế, (6) Hóa chất, (7) Hoạt động xây dựng, (8) Kiểm soát tài sản, thu nhập, (9) Xử lý vi phạm hành chính, (10) Nông nghiệp, (11) An sinh xã hội, (12) Tổ chức Đảng, đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức, (13) Bản án, quyết định của Tòa án.

Ngoài ra chủ động chuẩn hóa, đồng bộ, khai thác, sử dụng hiệu quả 114 cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành theo hướng dẫn của Trung ương.

- Xây dựng và hoàn thiện CSDL bản đồ tỉnh theo công nghệ GIS (Gồm các lĩnh vực: quy hoạch đô thị và nông thôn, phát triển đô thị, xây dựng, đất đai, tài nguyên).

- 100% công tác chỉ đạo, điều hành và quản lý của Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ được thực hiện dựa trên việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo và khai thác dữ liệu, hỗ trợ tối đa cho quá trình ra quyết định và giám sát.

- Thí điểm triển khai Nền tảng Bản sao số (Digital Twin) cho ít nhất 05 phường/xã trọng điểm để mô phỏng và hỗ trợ lập phương án quản lý đô thị.

- 80% chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội được giám sát, cập nhật theo thời gian thực hoặc định kỳ từ các nguồn dữ liệu số.

- Ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) trong cung cấp dịch vụ công, bước đầu triển khai các dịch vụ AI lõi (như xử lý ngôn ngữ tự nhiên, trợ lý ảo) để cá nhân hóa và tối ưu trải nghiệm người dân, doanh nghiệp.

- Điểm đánh giá mức độ trưởng thành về năng lực quản trị dữ liệu của tỉnh đạt từ 03 trở lên.

** Giai đoạn 2028-2030:*

- Tiếp tục đảm nhiệm vai trò tạo lập, chuẩn hóa dữ liệu cho các lĩnh vực khác theo lộ trình, chiến lược dữ liệu của Bộ, ngành Trung ương.

- Xây dựng và đưa vào vận hành ít nhất 07 Kho dữ liệu chuyên đề quan trọng phục vụ phân tích chuyên sâu, bao gồm: (1) Công nghiệp – Năng lượng, (2) Đầu tư - doanh nghiệp, (3) Quy hoạch - Đô thị, (4) Du lịch - Môi trường, (5) Y tế - An sinh xã hội, (6) Lao động – Giáo dục (7) Khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Tối ưu hóa quản trị công dựa trên dữ liệu, chuyển mạnh từ “tiền kiểm” sang “hậu kiểm”.

- Mở rộng phạm vi Bản sao số tỉnh (Digital Twin) để mô phỏng, dự báo và hỗ trợ ra quyết định đối với tất cả các lĩnh vực chiến lược (Quy hoạch, Giao thông, Môi trường và các lĩnh vực khác).

- Tỷ lệ quyết sách trọng yếu được ban hành dựa trên mô hình mô phỏng, dự báo (AI/Digital Twin) đạt 70%.

- Điểm đánh giá mức độ trưởng thành về năng lực quản trị dữ liệu của tỉnh đạt từ 04 trở lên.

b) Về phát triển dữ liệu phục vụ kinh tế số, xã hội số

** Giai đoạn 2026-2027:*

- Hoàn thành và đưa vào vận hành Cổng dữ liệu mở của Tỉnh, cung cấp ít nhất 100 bộ dữ liệu mở đúng chuẩn kỹ thuật và quy định pháp luật hiện hành trong các lĩnh vực ưu tiên (Công nghiệp, doanh nghiệp, lao động, du lịch, quy hoạch, OCOP) để thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo.

- Hình thành và đưa vào vận hành các nhóm CSDL đặc thù: Công nghiệp (gồm dữ liệu quy hoạch công nghiệp, sản phẩm công nghiệp), Du lịch (gồm dữ liệu điểm đến, cơ sở lưu trú, dịch vụ, hành vi du khách), Nông nghiệp (OCOP, nông nghiệp công nghệ cao), Lao động (cung cầu lao động, nhu cầu các ngành).

- Hình thành ít nhất 10 ứng dụng/dịch vụ giá trị gia tăng từ dữ liệu mở.

** Giai đoạn 2028-2030:*

- Cung cấp ít nhất 200 bộ dữ liệu mở đúng chuẩn

- Ứng dụng công nghệ Blockchain truy xuất nguồn gốc cho 60% sản phẩm OCOP từ 4 sao trở lên.

- Hình thành ít nhất 30 ứng dụng/dịch vụ giá trị gia tăng từ cộng đồng doanh nghiệp.

- Phát triển các mô hình phân tích dự báo (AI/Big Data) phục vụ hoạch định chính sách kinh tế và ít nhất 5 bài toán nghiệp vụ chuyên sâu: dự báo nhu cầu công nghiệp – năng lượng, dự báo tình hình biến động lao động, dự báo nhu cầu du lịch và phân tích hành vi du khách, dự báo dịch bệnh (Nông nghiệp/Thủy sản), cảnh báo rủi ro môi trường và thiên tai.

c) Về nền tảng, hạ tầng dữ liệu

** Giai đoạn 2026-2027:*

- Ban hành Kiến trúc dữ liệu cấp tỉnh, Danh mục CSDL dùng chung và CSDL mở của tỉnh và các quy chuẩn kỹ thuật về dữ liệu (đối với các dữ liệu đặc thù riêng của tỉnh).

- 100% Sở, ban, ngành, địa phương kết nối vào LDOP (Nền tảng chia sẻ dữ liệu) của tỉnh; hình thành Khung quản trị, quản lý dữ liệu cấp tỉnh, trong đó có nội dung về cơ chế điều phối, quản trị dữ liệu tỉnh; thực thi đầy đủ các chiến lược, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về dữ liệu trong các ngành, lĩnh vực; Hoàn thành thiết lập kết nối an toàn với Trung tâm dữ liệu quốc gia.

- Xây dựng Kho CSDL dùng chung của tỉnh làm nền tảng tích hợp và chuẩn hóa dữ liệu. Tiếp nhận và tích hợp vào Kho dữ liệu dùng chung các dữ liệu từ các CSDL của Trung ương, cùng với các dữ liệu đặc thù của địa phương đã được số

hóa và chuẩn hóa theo lộ trình cung cấp, kết nối dữ liệu của Trung ương và theo độ sẵn sàng của dữ liệu tại địa phương.

- Xây dựng Nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu cấp tỉnh, áp dụng AI vào quá trình xử lý, phân tích dữ liệu, hỗ trợ chiến lược “AI First”.

- Xây dựng Nền tảng Bản sao số tích hợp các CSDL GIS, Quy hoạch, và dữ liệu thời gian thực từ IoT để chạy mô phỏng vận hành tại khu vực thí điểm.

- Nâng cấp LGSP thành Nền tảng Chia sẻ, điều phối dữ liệu (LDOP) của tỉnh tích hợp khả năng lưu trữ, chuẩn hóa và phân phối dữ liệu; đảm bảo 100% Sở, ban, ngành, địa phương sử dụng, chia sẻ dữ liệu qua nền tảng này và kết nối đầy đủ với Nền tảng quốc gia.

- Lắp đặt và kết nối về một nền tảng thống nhất ít nhất 500 cảm biến IoT tại các đô thị trọng điểm để thu thập dữ liệu giao thông, môi trường, an ninh.

- Hoàn thành việc quy hoạch, tích hợp Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh. Phối hợp chặt chẽ, kết nối với Trung tâm Dữ liệu quốc gia để chia sẻ, sao lưu dự phòng dữ liệu, đảm bảo an toàn, bảo mật và hiệu quả theo Lộ trình, kế hoạch chi tiết đã xác định và theo hướng dẫn của Trung tâm Dữ liệu quốc gia.

- Hoàn thành xây dựng Lộ trình và kế hoạch chi tiết cho việc chuyển đổi, lưu trữ dữ liệu của địa phương cơ sở hạ tầng Trung tâm dữ liệu quốc gia.

- Tích hợp mạng lưới cảm biến IoT hiện có (Giao thông, Môi trường, Nước) vào IOC để cung cấp dữ liệu đầu vào thời gian thực cho công việc chỉ đạo điều hành.

- Áp dụng công nghệ UAV (thiết bị bay không người lái) vào các lĩnh vực: quy hoạch, xây dựng, môi trường.

** Giai đoạn 2028-2030:*

- Duy trì và cập nhật Kiến trúc, Danh mục dữ liệu hằng năm; cập nhật Khung quản trị, quản lý dữ liệu cấp tỉnh.

- Tiếp tục phát triển dữ liệu tại Kho dữ liệu dùng chung theo lộ trình cung cấp, kết nối dữ liệu của Trung ương và theo độ sẵn sàng của dữ liệu tại địa phương.

- Hoàn thiện Kho CSDL dùng chung của tỉnh và Nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu cấp tỉnh. Tiếp tục mở rộng và hoàn thiện việc tích hợp đầy đủ dữ liệu từ Trung ương và dữ liệu đặc thù của địa phương vào Kho dữ liệu dùng chung, theo đúng lộ trình phát triển dữ liệu của Trung ương và địa phương. Hình thành một hệ thống dữ liệu tổng hợp, thống nhất, đa ngành, làm cơ sở dữ liệu nền tin cậy cho công tác phân tích sâu, dự báo, hoạch định chính sách và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Nền tảng Phân tích dữ liệu và AI được vận hành toàn diện, áp dụng hiệu quả cho ít nhất tất cả các lĩnh vực chiến lược của tỉnh.
- Nền tảng Bản sao số tỉnh được hoàn thiện, tích hợp mô hình dữ liệu đa ngành (Multi-Domain Data Model) và mở rộng phạm vi áp dụng cho các khu kinh tế, đô thị chính.
- Mở rộng mạng lưới cảm biến ra các khu vực nông thôn, vùng biên giới phục vụ giám sát môi trường, nông nghiệp thông minh và an ninh, an toàn.
- Mở rộng phạm vi áp dụng công nghệ UAV sang các lĩnh vực: giám sát an ninh trật tự, an ninh biên giới
- Có ít nhất 01 Trung tâm Đổi mới sáng tạo về Dữ liệu và Trí tuệ Nhân tạo (AI) trên địa bàn tỉnh.
- Hoàn thiện hạ tầng công nghệ và hạ tầng mạng IoT của tỉnh, tích hợp dữ liệu cảm biến (sensor) từ các lĩnh vực (giao thông, môi trường, đô thị) về IOC, đảm bảo dữ liệu thời gian thực (real-time data) cho hoạt động mô phỏng và dự báo liên tục của Bản sao số.
- Ban hành và triển khai chính sách ưu đãi đặc thù để thu hút ít nhất 01 doanh nghiệp/nhà đầu tư nước ngoài đặt Trung tâm dữ liệu (Data Center) quy mô lớn trên địa bàn tỉnh.

d) Về đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng

**** Giai đoạn 2026-2027:***

- 100% hệ thống thông tin CSDL của tỉnh được phê duyệt cấp độ an toàn và triển khai phương án bảo vệ 4 lớp.
- Xây dựng Trung tâm an ninh mạng tỉnh Gia Lai.

**** Giai đoạn 2028-2030:***

- 100% CSDL của tỉnh được định kỳ sao lưu, dự phòng, sẵn sàng kích bản khôi phục khi có sự cố. 100% dữ liệu truyền tải trên mạng chuyên dùng được mã hóa.
- 100% CSDL chứa dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng được rà soát, bảo vệ theo tiêu chuẩn kỹ thuật cao nhất, tuân thủ tuyệt đối các quy định pháp luật về dữ liệu, pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân.
- Triển khai đầy đủ các giải pháp an toàn, an ninh mạng nền tảng cho các CSDL trọng yếu của tỉnh, bao gồm: Hệ thống giám sát sự kiện (SIEM), Hệ thống ngăn ngừa rò rỉ dữ liệu (DLP), và Hệ thống giám sát CSDL (DAM).
- Thực hiện đánh giá rủi ro và diễn tập ứng phó sự cố an toàn thông tin định kỳ.

- Xếp hạng về an toàn thông tin mạng thuộc nhóm 10 tỉnh/thành phố dẫn đầu.
- 100% CSDL được sao lưu, dự phòng, sẵn sàng kích bản khôi phục.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Hoàn thiện thể chế, chính sách và quản trị dữ liệu

(Phạm vi: Xây dựng khung pháp lý, chính sách, quy chế và mô hình quản trị để điều phối, giám sát toàn bộ hoạt động dữ liệu trên địa bàn tỉnh, các tiêu chuẩn đặc thù, cơ chế đảm bảo chất lượng dữ liệu)

- Xây dựng và ban hành Kiến trúc dữ liệu tỉnh.
- Ban hành Danh mục CSDL dùng chung, CSDL trọng điểm, Danh mục dữ liệu mở, cập nhật hằng năm.
- Ban hành và triển khai Khung quản trị dữ liệu tỉnh, phân định rõ trách nhiệm của các Sở, ngành, địa phương, trong đó thể chế hóa mô hình quản trị giữa Công an tỉnh, Sở KH&CN, các Sở ngành (chủ quản dữ liệu), quy chế đảm bảo chất lượng, an toàn, an ninh dữ liệu...
- Ban hành Danh mục mô hình nghiệp vụ dữ liệu tỉnh và cập nhật thường xuyên.
- Ban hành chính sách ưu đãi đặc thù thu hút đầu tư Trung tâm dữ liệu tư nhân/quốc tế.

2. Phát triển hạ tầng, nền tảng và công nghệ dữ liệu

(Phạm vi: Đầu tư, nâng cấp hạ tầng vật lý (trung tâm dữ liệu, mạng), triển khai các nền tảng điện toán đám mây, Nền tảng chia sẻ (LGSP/LDOP), Nền tảng Kho dữ liệu (DWH), Nền tảng Phân tích (Big Data/AI), Nền tảng Bản sao số (Digital Twin), và hạ tầng IoT)

- Xây dựng và vận hành Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh, tích hợp và chuẩn hóa dữ liệu từ Trung ương và địa phương.
- Xây dựng và vận hành Nền tảng tổng hợp và phân tích dữ liệu cấp tỉnh, áp dụng AI vào phân tích và xử lý dữ liệu.
- Xây dựng và vận hành Trung tâm điều hành thông minh (IOC) tích hợp dữ liệu đa ngành, phục vụ chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo tỉnh.
- Nâng cấp và vận hành hiệu quả Nền tảng chia sẻ, phân phối dữ liệu (LDOP) của tỉnh, kết nối 100% Sở, ban, ngành; đảm bảo kết nối, chia sẻ thông suốt dữ liệu với Nền tảng dữ liệu quốc gia, các CSDL quốc gia, CSDL chuyên ngành.
- Xây dựng và vận hành Cổng Dữ liệu mở của tỉnh.

- Mở rộng hạ tầng IoT và mạng lưới cảm biến chuyên ngành (môi trường, giao thông, du lịch, nông nghiệp).

- Xây dựng Lộ trình, kế hoạch chi tiết và tổ chức thực hiện việc chuyển đổi, di dời, lưu trữ dữ liệu của địa phương lên cơ sở hạ tầng của Trung tâm dữ liệu quốc gia.

3. Tạo lập, chuẩn hóa và nâng cao chất lượng dữ liệu

(Phạm vi: Số hóa, làm sạch, chuẩn hóa dữ liệu hiện có; ưu tiên phát triển các nhóm dữ liệu cần đưa vào 13 CSDL trọng yếu và dữ liệu đặc thù của tỉnh theo nguyên tắc “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”)

- Xây dựng Từ điển Dữ liệu của tỉnh, định nghĩa và chuẩn hóa siêu dữ liệu (metadata) cho các CSDL đặc thù địa phương, áp dụng và kế thừa Từ điển dữ liệu dùng chung quốc gia.

- Thực hiện việc tạo lập, số hóa, chuẩn hóa và đồng bộ dữ liệu địa phương lên 13 CSDL quốc gia trọng yếu; Tiếp tục duy trì việc tạo lập, đồng bộ dữ liệu cho các CSDL chuyên ngành khác của các Bộ, ngành.

- Tập trung xây dựng, hoàn thiện CSDL bản đồ tỉnh sử dụng công nghệ GIS.

- Tập trung phát triển các CSDL đặc thù của tỉnh: Công nghiệp, Logistic, Du lịch, OCOP, Quy hoạch, Môi trường,

- Xây dựng các Kho dữ liệu chuyên đề (Data Marts) phục vụ phân tích sâu (Chỉ đạo điều hành, Công nghiệp, Lao động, Quy hoạch, Môi trường, Du lịch, Y tế,...).

4. Phát triển ứng dụng và dịch vụ dữ liệu thông minh

(Phạm vi: Tập trung vào việc sử dụng dữ liệu để tạo giá trị. Ứng dụng AI, Big Data, Digital Twin để phân tích, dự báo, hỗ trợ ra quyết định trong quản lý nhà nước và phát triển các ngành kinh tế - xã hội trọng điểm)

- Tích hợp dữ liệu đa ngành tại Trung tâm điều hành thông minh (IOC), triển khai Hệ thống Báo cáo thông minh (BI) phục vụ chỉ đạo điều hành của Lãnh đạo tỉnh và các Sở, ngành, tích hợp vào IOC phục vụ chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo tỉnh. Yêu cầu các cuộc họp giao ban của UBND tỉnh và các Sở, ngành phải sử dụng số liệu trực tiếp từ hệ thống BI, thay thế báo cáo thủ công.

- Phát triển các mô hình AI/Big Data cho các bài toán đặc thù: Phân tích quản lý dự báo phát triển công nghiệp; Phân tích hành vi, dự báo xu hướng du

lịch; Dự báo dịch bệnh (Nông nghiệp/Thủy sản); Cảnh báo ô nhiễm môi trường; Hỗ trợ vận hành cảng thông minh.

- Thí điểm ứng dụng Blockchain cho truy xuất nguồn gốc (OCOP, Nông nghiệp, Thủy sản).

- Thí điểm ứng dụng AI trong hỗ trợ tìm kiếm, truy xuất thông tin nhanh phục vụ lãnh đạo tỉnh.

- Thí điểm ứng dụng AI trong cung cấp dịch vụ công (xử lý ngôn ngữ tự nhiên, trợ lý ảo).

- Thúc đẩy doanh nghiệp và cộng đồng khai thác Cổng Dữ liệu mở để phát triển các ứng dụng, dịch vụ giá trị gia tăng.

5. Đảm bảo an toàn, an ninh và bảo mật dữ liệu

(Phạm vi: Xây dựng và triển khai đồng bộ các giải pháp kỹ thuật, quy trình nghiệp vụ để bảo vệ dữ liệu toàn diện theo mô hình nhiều lớp)

- Triển khai mô hình bảo vệ an toàn thông tin 4 lớp cho 100% hệ thống CSDL của tỉnh.

- Vận hành Trung tâm Giám sát an toàn thông tin (SOC) tỉnh giám sát 24/7, kết nối với SOC quốc gia.

- Triển khai đầy đủ các giải pháp an toàn, an ninh mạng nền tảng cho các CSDL trọng yếu của tỉnh, bao gồm: Hệ thống giám sát sự kiện (SIEM), Hệ thống ngăn ngừa rò rỉ dữ liệu (DLP), và Hệ thống giám sát CSDL (DAM); mã hóa dữ liệu nhạy cảm; định kỳ sao lưu, phục hồi dữ liệu.

- Triển khai Quy chế đảm bảo an toàn, an ninh dữ liệu, tổ chức diễn tập ứng phó sự cố định kỳ.

- Triển khai các giải pháp AI hỗ trợ giám sát, cảnh báo nguy cơ quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát, kiểm toán việc thực thi các quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân.

6. Phát triển nguồn lực (Nhân lực và Tài chính) cho phát triển và khai thác dữ liệu

(Phạm vi: Các nguồn lực hỗ trợ, bao gồm đào tạo, thu hút nhân tài, và các cơ chế tài chính (ngân sách, PPP, Quỹ đầu tư mạo hiểm...)).

- Tổ chức đào tạo về “văn hóa dữ liệu” và kỹ năng phân tích dữ liệu chuyên sâu cho lãnh đạo, quản lý và công chức chuyên môn.

- Xây dựng và triển khai Chương trình nâng cao “Văn hóa dữ liệu” (Data Literacy) cho toàn bộ cán bộ công chức, viên chức; đưa năng lực dữ liệu vào tiêu chí đánh giá, quy hoạch cán bộ.

- Xây dựng đội ngũ chuyên gia cốt cán về AI, Big Data, ATTT và phân tích dữ liệu.

- Hợp tác với các trường đại học, doanh nghiệp để đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu kinh tế số.

- Ưu tiên bố trí ngân sách và thực hiện phương thức thuê dịch vụ cho các dự án Chuyển đổi số, dữ liệu.

- Thí điểm thành lập và vận hành “Quỹ đầu tư mạo hiểm” để hỗ trợ khởi nghiệp về dữ liệu và công nghệ mới.

- Thu hút các dự án PPP đầu tư vào hạ tầng dữ liệu và nền tảng dữ liệu chuyên ngành.

IV. KINH PHÍ

Nguồn kinh phí thực hiện được bảo đảm từ các nguồn sau:

1. Kinh phí thực hiện được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành, vốn lồng ghép và các nguồn vốn hợp pháp khác *(nếu có)*.

2. Huy động các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Nguyên tắc tổ chức triển khai

- Tuân thủ hệ thống pháp luật hiện hành về dữ liệu, chuyển đổi số, an toàn thông tin và các quy định có liên quan.

- Bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo tập trung, thống nhất, xuyên suốt từ tỉnh đến cơ sở; phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của các cơ quan, đơn vị.

- Thực hiện phân công, phân cấp rõ ràng, cụ thể, bảo đảm tính chuyên môn hóa, trách nhiệm giải trình; tăng cường phối hợp liên ngành, tránh chồng chéo, bỏ trống nhiệm vụ.

- Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số trong điều hành, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chiến lược.

- Bảo đảm nguồn lực tài chính, nhân lực, cơ sở hạ tầng đáp ứng yêu cầu triển khai Chiến lược; đa dạng hóa hình thức huy động nguồn lực, khuyến khích hợp tác công-tư.

2. Phân công trách nhiệm

2.1. Ban Chỉ đạo tỉnh Gia Lai về Dữ liệu

- Chủ trì, tổ chức triển khai toàn diện Chiến lược Dữ liệu tỉnh Gia Lai trên phạm vi toàn tỉnh.
- Chỉ đạo xây dựng, ban hành và hướng dẫn thực hiện các cơ chế, chính sách, quy trình, quy chuẩn kỹ thuật về quản lý, khai thác, chia sẻ và bảo đảm an toàn, an ninh dữ liệu.
- Điều phối, giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ, dự án trọng điểm về dữ liệu có tính chất liên ngành; xử lý các vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai.
- Kiểm tra, đôn đốc các Sở, ban, ngành, địa phương trong việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chiến lược.
- Chủ trì xây dựng và ban hành Bộ chỉ số đánh giá việc thực hiện Chiến lược dữ liệu tỉnh Gia Lai phù hợp với Bộ chỉ số đánh giá của Trung ương
- Theo dõi, tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện; định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

2.2 Công an tỉnh (Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo)

- Là Cơ quan thường trực, giúp Ban Chỉ đạo tham mưu UBND tỉnh trong việc điều hành, đôn đốc, tổng hợp, báo cáo tình hình triển khai Chiến lược.
- Là cơ quan đầu mối, tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh và Ban Chỉ đạo về công tác bảo đảm an ninh, an toàn, bảo mật thông tin và dữ liệu.
- Chủ trì xây dựng, ban hành và hướng dẫn thực hiện Kiến trúc dữ liệu, Từ điển dữ liệu, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về dữ liệu đặc thù của tỉnh.
- Chủ trì vận hành nghiệp vụ Trung tâm Giám sát an toàn thông tin (SOC), kết nối giám sát 100% CSDL của tỉnh và chia sẻ giám sát với SOC quốc gia.
- Chủ trì xây dựng, triển khai các giải pháp, quy trình kỹ thuật nghiệp vụ để bảo vệ an toàn, an ninh cho các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu trọng yếu của tỉnh.
- Chủ trì kiểm tra, giám sát, kiểm toán việc thực thi các quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh
- Chủ trì với các đơn vị có liên quan xây dựng Lộ trình, kế hoạch chi tiết và thực hiện quá trình chuyển đổi, lưu trữ dữ liệu của địa phương lên cơ sở hạ tầng Trung tâm dữ liệu quốc gia.

2.3. Sở Khoa học và Công nghệ

- Là cơ quan chủ trì về mặt kỹ thuật, công nghệ cho việc phát triển hạ tầng số, nền tảng dữ liệu và hệ sinh thái dữ liệu của tỉnh.

- Trực tiếp vận hành, bảo trì, giám sát hệ thống hạ tầng kỹ thuật Trung tâm Dữ liệu tỉnh, hệ thống mạng, thiết bị lưu trữ, xử lý dữ liệu.

- Chủ trì tham mưu xây dựng, vận hành và duy trì hoạt động của Trung tâm giám sát điều hành thông minh (IOC), nhằm phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành trực tiếp của lãnh đạo tỉnh

- Chủ trì quản lý, vận hành, bảo trì, nâng cấp Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh, Kho dữ liệu dùng chung, Nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu, Nền tảng chia sẻ dữ liệu (LDOP) và các nền tảng dữ liệu chiến lược (Công dữ liệu mở, AI, Digital Twin).

- Chủ trì kết nối Kho dữ liệu tỉnh với Nền tảng điều phối dữ liệu quốc gia.

- Chủ trì xây dựng, ban hành và hướng dẫn thực hiện Mô hình nghiệp vụ dữ liệu tỉnh.

- Chủ trì triển khai Đề án ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI), thí điểm các mô hình Sandbox, Innovation Hub và thúc đẩy đổi mới sáng tạo dựa trên dữ liệu.

- Hỗ trợ kỹ thuật, tư vấn chuyên môn về công nghệ dữ liệu, kết nối, tích hợp, khai thác và sử dụng các nền tảng, dịch vụ dữ liệu cho các Sở, ngành, địa phương. Chủ trì, phối hợp với các sở ban, ngành kết nối, chia sẻ dữ liệu với Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh và các hệ thống dùng chung của tỉnh.

- Chủ trì tổ chức đào tạo, bồi dưỡng về kỹ năng dữ liệu.

- Chủ trì nghiên cứu, đề xuất và triển khai thí điểm “Quỹ đầu tư mạo hiểm” để hỗ trợ các dự án khởi nghiệp, sáng tạo về dữ liệu và công nghệ mới.

- Chủ trì tổ chức đánh giá, xếp loại năng lực ứng dụng và khai thác dữ liệu của các Sở, ngành, địa phương định kỳ hằng năm.

- Phối hợp với Sở Tài chính tham mưu cơ chế hoạt động cho Quỹ đầu tư mạo hiểm hỗ trợ khởi nghiệp công nghệ.

2.4. Sở Tài chính

- Tham mưu cấp thẩm quyền đảm bảo kinh phí ngân sách nhà nước cho việc thực hiện Chiến lược Dữ liệu theo đúng quy định.

- Triển khai công tác thu hút các nhà đầu tư có tiềm năng đầu tư vào lĩnh vực Trung tâm dữ liệu theo quy định.

- Hướng dẫn, kiểm tra việc sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước và quyết toán các dự án, nhiệm vụ thuộc Chiến lược theo quy định của pháp luật.

2.5. Sở Nội vụ

- Xây dựng Kế hoạch thu hút, tuyển dụng nguồn nhân lực chuyên đổi số làm việc tại các cơ quan nhà nước thuộc tỉnh Gia Lai; phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng về nguồn nhân lực số, nhân lực dữ liệu bổ sung vào Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC hằng năm của tỉnh; tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực, kỹ năng về quản lý, khai thác dữ liệu cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo Kế hoạch.

2.6. Văn phòng UBND tỉnh

- Chủ trì theo dõi và đánh giá mục tiêu về Quản lý nhiệm vụ trên môi trường điện tử, đảm bảo tỷ lệ nhiệm vụ của các cơ quan được theo dõi, quản lý, giám sát trên môi trường điện tử.

2.7. Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường

- Chịu trách nhiệm chính trong việc tạo lập, số hóa, chuẩn hóa, cập nhật và duy trì chất lượng dữ liệu thuộc phạm vi quản lý ngành, lĩnh vực, địa bàn, đảm bảo dữ liệu “*đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung*”.

- Thực hiện tích hợp, đồng bộ dữ liệu từ cơ sở lên 13 Cơ sở dữ liệu quốc gia trọng yếu và các Cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác theo lộ trình của Trung ương và hướng dẫn của tỉnh.

- Xây dựng, vận hành, quản lý và khai thác các Cơ sở dữ liệu đặc thù của ngành, địa phương phục vụ các bài toán chuyên môn và phát triển kinh tế - xã hội.

- Triển khai ứng dụng các công nghệ số (AI, Big Data, IoT) để phân tích, dự báo, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ công trong lĩnh vực được phân công.

- Định kỳ báo cáo tình hình, kết quả thực hiện các nhiệm vụ về dữ liệu theo quy định hoặc khi có yêu cầu đột xuất.

- Định kỳ hằng năm, trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, chủ động xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược Dữ liệu và lập dự toán kinh phí cho việc thực hiện Chiến lược Dữ liệu theo đúng quy định.

2.8. Doanh nghiệp công nghệ

- Tham gia hợp tác đầu tư, cung cấp dịch vụ, triển khai giải pháp về hạ tầng số, điện toán đám mây, nền tảng dữ liệu, IoT và an ninh mạng cho tỉnh.

- Cung cấp các nền tảng, giải pháp công nghệ và dịch vụ chuyên nghiệp phục vụ việc xây dựng, vận hành và khai thác các hệ thống dữ liệu.
- Đồng phát triển, thử nghiệm các mô hình ứng dụng AI, Sandbox, Digital Twin và các giải pháp đổi mới sáng tạo dựa trên dữ liệu.
- Tham gia các dự án theo hình thức hợp tác công-tư (PPP), nghiên cứu và phát triển (R&D) trong lĩnh vực dữ liệu và chuyển đổi số.

3. Cơ chế phối hợp với bộ, ngành Trung ương

- Các sở, ngành tuân thủ các hướng dẫn chuyên môn, kỹ thuật, các tiêu chuẩn, quy chuẩn về dữ liệu do các Bộ, ngành Trung ương ban hành.
- Các sở, ngành là đầu mối, phối hợp chặt chẽ với các Bộ chủ quản để thực hiện nhiệm vụ đồng bộ dữ liệu từ tỉnh lên các CSDL Quốc gia và CSDL chuyên ngành đảm bảo tính thống nhất, liên thông.
- Chủ động, kịp thời báo cáo, phản ánh tình hình, kết quả thực hiện, những khó khăn, vướng mắc và đề xuất, kiến nghị với các Bộ, ngành Trung ương để hoàn thiện cơ chế, chính sách về dữ liệu.

4. Cơ chế giám sát và đánh giá

- Ban Chỉ đạo tỉnh định kỳ hằng quý, 6 tháng và hằng năm tổ chức giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Chiến lược.
- Việc giám sát tập trung vào: tiến độ thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể; hiệu quả sử dụng nguồn lực; chất lượng dữ liệu; mức độ liên thông, chia sẻ; công tác bảo đảm an toàn, an ninh thông tin.
- Kết quả giám sát, đánh giá là căn cứ để điều chỉnh kế hoạch, giải pháp, bố trí nguồn lực và là cơ sở để đánh giá, xếp loại thi đua hằng năm đối với các đơn vị, cá nhân.
- Ứng dụng nền tảng số để theo dõi, giám sát tự động, cung cấp báo cáo thời gian thực về tiến độ thực hiện các nhiệm vụ.

5. Chế độ báo cáo

- Các Sở, ngành, địa phương định kỳ hằng quý, 6 tháng và hằng năm gửi báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ về dữ liệu cho Công an tỉnh (*Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo tỉnh Gia Lai về dữ liệu*) và Sở Khoa học và Công nghệ.
- Công an tỉnh chủ trì, phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ, ngành Trung ương (theo phân cấp) kết quả thực hiện Chiến lược định kỳ hằng năm và đột xuất khi có yêu cầu.

- Báo cáo phải bảo đảm tính chính xác, kịp thời, trung thực, phản ánh đầy đủ kết quả, khó khăn, vướng mắc và kiến nghị, đề xuất giải pháp.

- Khuyến khích việc sử dụng hệ thống báo cáo điện tử, báo cáo thông minh (BI) tích hợp trên nền tảng dữ liệu của tỉnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường, xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Công an;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Trung tâm PVHCC;
- Lưu: VT, V9.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lâm Hải Giang

PHỤ LỤC 1
BẢNG TỔNG HỢP CÁC MỤC TIÊU CHI TIẾT
(kèm theo Quyết định số / ngày tháng năm 2026 của UBND tỉnh Gia Lai)

STT	Nhóm Mục tiêu	Mục tiêu cụ thể	Mục tiêu theo từng giai đoạn		Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
			2026-2027	2028-2030	
1	A. Chính quyền số & Quản trị	A.1. Tạo lập, chuẩn hóa, đồng bộ dữ liệu cho CSDL quốc gia, CSDL chuyên ngành	Hoàn thành 100% việc tạo lập, số hóa, chuẩn hóa và đồng bộ dữ liệu địa phương lên 13 CSDL quốc gia trọng yếu và 114 CSDL quốc gia.	Tiếp tục đảm nhiệm vai trò tạo lập, chuẩn hóa dữ liệu cho các lĩnh vực khác theo lộ trình của Bộ ngành Trung ương	Ban Chỉ đạo tỉnh
2		A.2. Phát triển CSDL bản đồ tỉnh	Hoàn thiện CSDL bản đồ tỉnh sử dụng công nghệ GIS cho các lĩnh vực: Quy hoạch đô thị và nông thôn, phát triển đô thị, xây dựng, đất đai, tài nguyên.	Hoàn thiện CSDL bản đồ tỉnh cho các lĩnh vực khác. Duy trì cập nhật thường xuyên.	Sở Xây dựng/ Sở Nông nghiệp và Môi trường
3		A.3. Giám sát chỉ tiêu KT-XH	Tỷ lệ 80% chỉ tiêu phát triển KT-XH được giám sát, cập nhật theo thời gian thực hoặc định kỳ từ các nguồn dữ liệu số.	Đạt 100% chỉ tiêu KT-XH trọng yếu được giám sát.	Văn phòng UBND tỉnh
4		A.6. Ứng dụng AI hỗ trợ tìm kiếm, truy xuất thông tin phục vụ lãnh đạo tỉnh	Xây dựng ứng dụng AI hỗ trợ lãnh đạo trong tìm kiếm truy xuất dữ liệu tập trung vào dữ liệu chính quyền số. Phát triển các tính năng: Tìm kiếm nhanh, tổng hợp số liệu, ra lệnh bằng giọng nói.	Phát triển thêm các tính năng tìm kiếm thông minh, dự báo dữ liệu và mở rộng phạm vi tìm kiếm ra dữ liệu toàn tỉnh.	Văn phòng UBND tỉnh

STT	Nhóm Mục tiêu	Mục tiêu cụ thể	Mục tiêu theo từng giai đoạn		Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
			2026-2027	2028-2030	
5		A.7. Ứng dụng AI và Dịch vụ công	Thí điểm ứng dụng AI trong cung cấp dịch vụ công, bước đầu triển khai các dịch vụ AI lõi.	Mở rộng 100% các dịch vụ công ưu tiên có ứng dụng AI lõi (trợ lý ảo, xử lý ngôn ngữ tự nhiên) để cá nhân hóa.	Sở Khoa học và Công nghệ
6		A.8. Ứng dụng Digital Twin	Thí điểm sử dụng Digital Twin cho ít nhất 05 phường/xã trọng điểm, áp dụng vào các lĩnh vực: quản lý đô thị, quy hoạch, môi trường, xây dựng.	Mở rộng áp dụng Bản sao số tỉnh (Digital Twin) cho các khu kinh tế, khu đô thị trọng điểm trong tỉnh, bổ sung thêm các hoạt động: bảo trì hạ tầng, quản lý chung cư, dự báo quy hoạch và các lĩnh vực quan trọng khác.	Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì hướng dẫn công nghệ, theo dõi và đánh giá/ Các Sở Ban Ngành phụ trách
7		A.9. Xây dựng Kho dữ liệu dùng chung cấp tỉnh	Xây dựng và vận hành Kho dữ liệu dùng chung	Xây dựng và đưa vào vận hành ít nhất 07 Kho dữ liệu chuyên đề quan trọng.	Sở Khoa học và Công nghệ
8	B. Kinh tế số và Xã hội số	B.1. Phát triển Công Dữ liệu mở	Hoàn thành và đưa vào vận hành Công dữ liệu mở, cung cấp ít nhất 100 bộ dữ liệu mở.	Cung cấp ít nhất 200 bộ dữ liệu mở.	Sở Khoa học và Công nghệ
9		B.2. Phát triển CSDL đặc thù	Hình thành và đưa vào vận hành nhóm CSDL đặc thù: Công nghiệp (gồm dữ liệu quy hoạch công nghiệp, chuỗi cung ứng), Du lịch (gồm dữ liệu điểm đến, cơ sở lưu trú, dịch vụ, hành vi du khách), Nông nghiệp (OCOP, nông nghiệp công nghệ cao),	Tiếp tục hình thành và làm giàu dữ liệu.	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch/Sở Nông nghiệp và Môi trường/Sở Y tế

STT	Nhóm Mục tiêu	Mục tiêu cụ thể	Mục tiêu theo từng giai đoạn		Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
			2026-2027	2028-2030	
			Lao động (cung cầu lao động, nhu cầu các ngành)		
10		B.3. Ứng dụng Blockchain		Ứng dụng công nghệ Blockchain truy xuất nguồn gốc cho 60% sản phẩm OCOP từ 4 sao trở lên.	Sở Nông nghiệp và Môi trường
11		B.4. Hình thành Ứng dụng giá trị gia tăng	Hình thành ít nhất 10 ứng dụng/dịch vụ giá trị gia tăng từ dữ liệu mở.	Hình thành ít nhất 30 ứng dụng/dịch vụ giá trị gia tăng từ dữ liệu mở.	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch
12		B5. Phát triển các mô hình phân tích dự báo (AI/Big Data)		Phát triển mô hình phân tích dự báo (AI/Big Data) phục vụ ít nhất 5 bài toán nghiệp vụ chuyên sâu	Sở Khoa học và Công nghệ
13	C. Nền tảng, hạ tầng dữ liệu	C.1. Ban hành và Mô hình nghiệp vụ dữ liệu	Ban hành Mô hình nghiệp vụ dữ liệu cấp tỉnh.	Duy trì và cập nhật Mô hình nghiệp vụ dữ liệu hằng năm.	Sở Khoa học và Công nghệ
14		C.2. Kết nối và Quản trị dữ liệu	100% Sở, ban, ngành, địa phương kết nối vào LDOP của tỉnh; hình thành Khung quản trị, quản lý dữ liệu cấp tỉnh.	Duy trì 100% Sở, ban, ngành, địa phương kết nối vào LDOP của tỉnh. Cập nhật Khung quản trị, quản lý dữ liệu cấp tỉnh	Ban Chỉ đạo tỉnh
15		C.3. Vận hành CSDL dùng chung	Hình thành Kho dữ liệu dùng chung gồm dữ liệu từ các CSDL của Trung ương, CSDL đặc thù của địa phương theo lộ trình	Tiếp tục phát triển dữ liệu trong Kho dữ liệu dùng chung theo lộ trình của Trung ương và tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ

STT	Nhóm Mục tiêu	Mục tiêu cụ thể	Mục tiêu theo từng giai đoạn		Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
			2026-2027	2028-2030	
			cung cấp, kết nối dữ liệu của Trung ương và theo độ sẵn sàng của dữ liệu tại địa phương		
16		C.4. Xây dựng Kho CSDL dùng chung	Hoàn thành xây dựng Kho CSDL dùng chung sẵn sàng tiếp nhận, tích hợp dữ liệu TW và dữ liệu đặc thù theo lộ trình	Duy trì vận hành ổn định	Sở Khoa học và Công nghệ / Trung tâm Dữ liệu
17		C.5. Phát triển Nền tảng tổng hợp và phân tích dữ liệu, áp dụng AI trong xử lý, phân tích dữ liệu	Xây dựng Nền tảng tổng hợp và phân tích dữ liệu, áp dụng AI trong quá trình xử lý và phân tích dữ liệu	Nền tảng Tổng hợp, Phân tích dữ liệu & AI được vận hành toàn diện, áp dụng hiệu quả cho tất cả lĩnh vực trọng điểm.	Sở Khoa học và Công nghệ
18		C.6. Phát triển Nền tảng Bản sao số	1) Xây dựng mô hình kiến trúc, dữ liệu Bản sao số cấp tỉnh (xây dựng kiến trúc tổng thể Bản sao số cấp tỉnh; xây dựng tiêu chuẩn dữ liệu và API tích hợp...) 2) Xây dựng Nền tảng lõi Bản sao số tỉnh.	1) Xây dựng Nền tảng Bản sao số tỉnh tích hợp các CSDL GIS, Quy hoạch, và dữ liệu thời gian thực từ IoT và các nguồn dữ liệu khác. 2) Hoàn thiện nền tảng Bản sao số tỉnh, tích hợp mô hình dữ liệu đa ngành và mở rộng phạm vi áp dụng cho các khu kinh tế, đô thị chính.	Sở Khoa học và Công nghệ
19		C.7. Nâng cấp LDOP	Nâng cấp LGSP lên LDOP và đảm bảo 100% đơn vị sử dụng	Duy trì hoạt động ổn định	Sở Khoa học và Công nghệ

STT	Nhóm Mục tiêu	Mục tiêu cụ thể	Mục tiêu theo từng giai đoạn		Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
			2026-2027	2028-2030	
			và kết nối đầy đủ với Nền tảng quốc gia		
20		C.8. Mạng lưới Cảm biến IoT	Lắp đặt và kết nối về một nền tảng thống nhất ít nhất 500 cảm biến IoT tại các đô thị. Tích hợp vào IOC	Mở rộng mạng lưới cảm biến ra nông thôn, vùng biên giới;	Sở Khoa học và Công nghệ, Văn phòng UBND tỉnh
21		C.9. Xây dựng Lộ trình và Kế hoạch chuyển đổi, lưu trữ dữ liệu	Hoàn thành xây dựng Lộ trình và kế hoạch chi tiết		Sở Khoa học và Công nghệ/Công an tỉnh
22		C.10. Áp dụng công nghệ UAV	Áp dụng công nghệ UAV vào các lĩnh vực: Quy hoạch, xây dựng, môi trường	Mở rộng áp dụng công nghệ UAV vào các lĩnh vực: giám sát an ninh trật tự, an ninh biên giới	Sở Khoa học và Công nghệ
23		C.11. Xây dựng Trung tâm Đổi mới sáng tạo về Dữ liệu và Trí tuệ Nhân tạo (AI)		Ít nhất 01 Trung tâm Đổi mới sáng tạo về Dữ liệu và Trí tuệ Nhân tạo (AI) trên địa bàn tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ
24		C.12. Thu hút đầu tư hạ tầng dữ liệu		Thu hút ít nhất 01 doanh nghiệp/nhà đầu tư nước ngoài đặt Trung tâm dữ liệu quy mô lớn.	Sở Khoa học và Công nghệ (Chủ trì), Sở Tài chính
25	D. An toàn, An	F.1. Bảo vệ & Sao lưu CSDL	100% hệ thống thông tin CSDL được phê duyệt cấp độ an toàn	100% CSDL chứa dữ liệu cốt lõi được bảo vệ theo tiêu chuẩn cao nhất. 100%	Công an tỉnh

STT	Nhóm Mục tiêu	Mục tiêu cụ thể	Mục tiêu theo từng giai đoạn		Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
			2026-2027	2028-2030	
	ninh Dữ liệu		và triển khai phương án bảo vệ 4 lớp.	CSDL được sao lưu, dự phòng. Triển khai đầy đủ các giải pháp an toàn, an ninh mạng nền tảng cho các CSDL trọng yếu của tỉnh.	
26		F.2. Vận hành và giám sát an ninh	Xây dựng Trung tâm an ninh mạng tỉnh.	Thực hiện đánh giá rủi ro và diễn tập ứng phó sự cố định kỳ. Tích hợp AI hỗ trợ cảnh báo. Xếp hạng về an toàn thông tin mạng thuộc nhóm 10 tỉnh/thành phố dẫn đầu.	Công an tỉnh

PHỤ LỤC 2
BẢNG TỔNG HỢP CÁC NHIỆM VỤ CHIẾN LƯỢC
(kèm theo Quyết định số / ngày tháng năm 2026 của UBND tỉnh Gia Lai)

STT	Nhóm nhiệm vụ	Nhiệm vụ cụ thể	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kết quả thực hiện	Thời gian hoàn thành
1	1. Hoàn thiện thể chế, chính sách và quản trị dữ liệu	NV 1.1. Xây dựng và ban hành Khung Kiến trúc dữ liệu tỉnh	Công an tỉnh	Các Sở, ngành liên quan	Văn bản ban hành Kiến trúc dữ liệu tỉnh.	2026
2		NV 1.2. Ban hành Danh mục CSDL dùng chung, CSDL trọng điểm	Công an tỉnh	Các Sở, ngành liên quan	Danh mục CSDL dùng chung, CSDL trọng điểm	2026 (và được cập nhật hàng năm)
3		NV 1.3. Xây dựng và ban hành Mô hình nghiệp vụ dữ liệu tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Công an tỉnh, Các Sở, ngành	Văn bản ban hành Mô hình nghiệp vụ dữ liệu tỉnh	2026
4		NV 1.4. Triển khai công tác thu hút các nhà đầu tư có tiềm năng đầu tư vào lĩnh vực Trung tâm dữ liệu theo quy định	Sở Tài chính	Sở Khoa học và Công nghệ	Báo cáo tình hình công tác thu hút đầu tư	2028
5	2. Phát triển hạ tầng, nền tảng và công nghệ dữ liệu	NV 2.1. Xây dựng và vận hành Kho dữ liệu dùng chung	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ngành (cung cấp dữ liệu)	Triển khai kho dữ liệu dùng chung cấp tỉnh	2026

STT	Nhóm nhiệm vụ	Nhiệm vụ cụ thể	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kết quả thực hiện	Thời gian hoàn thành
6		NV 2.2. Xây dựng và vận hành Trung tâm điều hành thông minh (IOC)	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ngành	Triển khai hoàn thành Trung tâm giám sát, điều hành thông minh tỉnh Gia Lai (IOC), liên thông, đồng bộ, tích hợp với các cơ sở dữ liệu cốt lõi và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành. Triển khai hoàn thành trong Quý III/2026	2026
7		NV 2.3. Nâng cấp và vận hành Nền tảng chia sẻ dữ liệu (LDOP)	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ngành	Hệ thống LDOP được nâng cấp, kết nối 100% Sở, ban, ngành và với nền tảng quốc gia.	2026
8		NV 2.4. Xây dựng Nền tảng tổng hợp và phân tích dữ liệu, ứng dụng AI trong phân tích xử lý dữ liệu	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ngành	Nền tảng tổng hợp và phân tích dữ liệu	2026
9		NV 2.5. Xây dựng Nền tảng Bản sao số (Digital Twin)	Các Sở, ngành	Sở Khoa học và Công nghệ	Nền tảng Bản sao số (Digital Twin) áp dụng cho các lĩnh vực tài nguyên môi trường, du lịch, văn hóa, xây dựng, giao thông...	+ 2026 - 2027: Xây dựng mô hình kiến trúc, dữ liệu Bản sao số cấp tỉnh; xây dựng Nền

STT	Nhóm nhiệm vụ	Nhiệm vụ cụ thể	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kết quả thực hiện	Thời gian hoàn thành
						tăng lỗi Bản sao số tỉnh + 2027-2028: Thí điểm 05 phường, xã + 2030: Hoàn thiện.
10		NV 2.6. Xây dựng và vận hành Cổng Dữ liệu mở phục vụ công bố thông tin	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ngành	Cổng thông tin dữ liệu mở được xây dựng và vận hành.	2026
11		NV 2.7. Mở rộng hạ tầng IoT và mạng lưới cảm biến	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng UBND tỉnh, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND các Phường/xã	Ứng dụng IoT trong các lĩnh vực lợi thế của tỉnh: Công nghiệp, Logistics, Cảng biển, Giao thông, Du lịch, môi trường.	2027 (GD1), 2028-2030 (Mở rộng)
12	3. Tạo lập, chuẩn hóa và nâng cao chất lượng dữ liệu	NV 3.1. Xây dựng Từ điển Dữ liệu của tỉnh	Công an tỉnh	Các Sở, ngành	Từ điển dữ liệu được ban hành, kế thừa từ điển quốc gia.	2026
13		NV 3.2. Tạo lập, số hóa, chuẩn hóa và đồng bộ dữ liệu địa phương lên CSDL quốc gia	Các Sở, ngành chuyên môn	Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh	Đồng bộ dữ liệu theo yêu cầu các Bộ Ngành và khai thác được dữ	2026 (13 CSDL trọng yếu), Duy trì các năm sau

STT	Nhóm nhiệm vụ	Nhiệm vụ cụ thể	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kết quả thực hiện	Thời gian hoàn thành
					liệu từ 114 CSDL quốc gia.	
14		NV 3.3. Hoàn thiện CSDL bản đồ tỉnh sử dụng công nghệ GIS	Sở Xây dựng	Sở Nông nghiệp và Môi trường	CSDL bản đồ tỉnh.	2026
15		NV 3.4. Phát triển các CSDL đặc thù của tỉnh	Các Sở, ngành liên quan (Du lịch, Nông nghiệp và Môi trường, Công Thương...)	Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh	Các CSDL đặc thù được xây dựng và vận hành.	2026-2030 (Theo lộ trình từng nhóm)
16		NV 3.5. Xây dựng các Kho dữ liệu chuyên đề (Data Marts)	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ngành chủ quản dữ liệu	Ít nhất 07 Kho dữ liệu chuyên đề được xây dựng và vận hành.	2028 (04 kho), 2030 (07 kho)
17	4. Phát triển ứng dụng và dịch vụ dữ liệu thông minh	NV 4.1. Tích hợp dữ liệu đa ngành tại IOC và triển khai Hệ thống Báo cáo thông minh (BI), Dashboard giám sát chỉ tiêu KT-XH và quy hoạch ngành	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ngành	IOC tích hợp dữ liệu đa ngành; Hệ thống BI cung cấp dữ liệu thời gian thực, phục vụ báo cáo, giao ban, giám sát	2026
18		NV 4.2. Phát triển mô hình AI/Big Data cho các bài toán đặc thù	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ngành (đề xuất bài toán)	Ít nhất 05 bài toán chuyên ngành được xây dựng mô hình AI	2028: Xây dựng 2029-2030: Tối ưu độ chính xác
19		NV 4.3. Xây dựng ứng dụng Blockchain cho truy xuất nguồn gốc	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Công Thương	Ứng dụng Blockchain truy xuất nguồn gốc	2028

STT	Nhóm nhiệm vụ	Nhiệm vụ cụ thể	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kết quả thực hiện	Thời gian hoàn thành
20		NV 4.4. Ứng dụng AI trong cung cấp dịch vụ công	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ngành cung cấp dịch vụ	Các hệ thống AI hỗ trợ người dân doanh nghiệp.	2027: Chatbot hỗ trợ 2028-2030: AI tự động thực hiện TTHC
21		NV 4.5. Ứng dụng AI trong cung cấp thông tin hỗ trợ lãnh đạo tỉnh	Văn phòng UBND	Sở Khoa học và Công nghệ	Ứng dụng AI hỗ trợ lãnh đạo truy xuất thông tin nhanh	2026: Chatbot hỗ trợ bằng giọng nói, hỗ trợ tìm kiếm 2028-2030: Hỗ trợ phân tích dự báo, tối ưu theo nhu cầu cá nhân lãnh đạo.
22	5. Đảm bảo an toàn, an ninh và bảo mật dữ liệu	NV 5.1. Triển khai mô hình bảo vệ an toàn thông tin	Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ, Các Sở, ngành	Phương án bảo vệ được triển khai cho 100% hệ thống CSDL.	2027 (4 lớp), các năm sau (nâng cấp)
23		NV 5.2. Vận hành Trung tâm Giám sát an toàn thông tin (SOC)	Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	SOC được vận hành 24/7, kết nối với SOC quốc gia.	2027

STT	Nhóm nhiệm vụ	Nhiệm vụ cụ thể	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kết quả thực hiện	Thời gian hoàn thành
24		NV 5.3. Triển khai các giải pháp an toàn, an ninh mạng nền tảng cho các CSDL trọng yếu của tỉnh, bao gồm: Hệ thống giám sát sự kiện (SIEM), Hệ thống ngăn ngừa rò rỉ dữ liệu (DLP), và Hệ thống giám sát CSDL (DAM); mã hóa, sao lưu, phục hồi	Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các giải pháp an toàn, an ninh mạng nền tảng cho các CSDL trọng yếu của tỉnh được triển khai ; Quy trình mã hóa, sao lưu, phục hồi được áp dụng.	2028
25		NV 5.4. Triển khai Quy chế ATTT và tổ chức diễn tập	Công an tỉnh	Các Sở, ngành	Quy chế được ban hành; Kế hoạch và báo cáo diễn tập định kỳ.	2028 (và định kỳ)
26		NV 5.5. Triển khai giải pháp AI hỗ trợ giám sát, cảnh báo an ninh	Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Giải pháp AI được tích hợp vào hệ thống giám sát, cảnh báo nguy cơ quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội	2028
27		NV 5.6. Kiểm tra, giám sát, kiểm toán	Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Tổ chức kiểm tra, giám sát, kiểm toán việc thực thi các quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân.	Định kỳ hàng năm

STT	Nhóm nhiệm vụ	Nhiệm vụ cụ thể	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kết quả thực hiện	Thời gian hoàn thành
28	6. Phát triển nguồn lực (Nhân lực và Tài chính)	NV 6.1. Đào tạo kỹ năng khai thác dữ liệu và “văn hóa dữ liệu”	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nội vụ	Chương trình, tài liệu đào tạo; Báo cáo kết quả đào tạo cho CBCCVC.	2026
29		NV 6.2. Xây dựng đội ngũ chuyên gia	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nội vụ	Danh sách và hồ sơ năng lực chuyên gia.	2027: 30 chuyên gia 2028-2030: 100 chuyên gia
30		NV 6.4. Vận hành “Quỹ đầu tư mạo hiểm”	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính	Danh sách dự án được đầu tư bởi quỹ	2027: 05 dự án 2030: 20 dự án
31		NV 6.5. Thu hút dự án PPP vào hạ tầng và nền tảng dữ liệu	Sở Tài chính	Sở Tài chính	Hồ sơ dự án PPP; Hợp đồng hợp tác được ký kết.	2028-2030
32		NV 6.6. Xây dựng/ hướng dẫn cơ chế “Hộp cát (Sandbox)”	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính, Các Sở, ngành	Văn bản hướng dẫn về cơ chế Sandbox; Báo cáo kết quả thử nghiệm.	2028

PHỤ LỤC 3
BẢNG TỔNG HỢP CSDL/ HTTT CỦA TỈNH CẦN XÂY DỰNG, NÂNG CẤP
(kèm theo Quyết định số / ngày tháng năm 2026 của UBND tỉnh Gia Lai)

STT	Nhóm lĩnh vực	Tên CSDL / HTTT	Mô tả / mục tiêu	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Phạm vi dữ liệu chính	Thời gian hoàn thành xây dựng/ nâng cấp
1	Kinh tế số	CSDL về công nghiệp	Xây dựng CSDL quản lý về công nghiệp trên địa bàn toàn tỉnh, hỗ trợ quản lý nhà nước trong việc thúc đẩy phát triển công nghiệp mũi nhọn của tỉnh.	Sở Công Thương	Sở Khoa học và Công nghệ	Sản lượng công nghiệp, Tỷ trọng công nghiệp, Quy hoạch công nghiệp	2027
2	Kinh tế số	CSDL Du lịch thông minh và Kinh tế Di sản	Xây dựng CSDL hợp nhất về du lịch - dịch vụ, tích hợp công nghệ thực tế ảo (VR/AR) để số hóa các di sản văn hóa, lịch sử, xây dựng các Bản sao số Di sản Phục vụ phân tích hành vi du khách, cá nhân hóa trải nghiệm, tối ưu hóa công tác quản lý di	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Khoa học và Công nghệ	Dữ liệu du khách (nhân khẩu, hành vi, chi tiêu, đánh giá chất lượng); dữ liệu lưu trú, lữ hành; dữ liệu vé tham quan (di sản); dữ liệu cơ sở dịch vụ (kinh tế đêm)	2027: Hình thành CSDL 2028-2030: Hoàn thiện và cập nhật 100% dữ liệu về di sản và du lịch

STT	Nhóm lĩnh vực	Tên CSDL / HTTT	Mô tả / mục tiêu	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Phạm vi dữ liệu chính	Thời gian hoàn thành xây dựng/ nâng cấp
			sản và phát triển kinh tế đêm				
3	Kinh tế số	CSDL Logistics	Phục vụ tích hợp, liên thông dữ liệu vận chuyển, hải quan, kho bãi. Mục tiêu tối ưu hóa chuỗi cung ứng, rút ngắn thời gian lưu thông hàng hóa	Sở Công Thương	Sở Xây dựng; Ban Quản lý khu kinh tế, Chi cục Hải Quan Khu vực XIV, các Doanh nghiệp kinh doanh Dịch vụ Logistics, Cảng biển, Cảng cạn (ICD)	Dữ liệu luồng hàng hóa (container, hàng rời); dữ liệu phương tiện (vị trí, lịch trình); dữ liệu kho bãi (tồn kho, công suất)	2027
4	Kinh tế số	CSDL Nông nghiệp, Thủy sản	Quản lý tổng thể vùng nuôi trồng, dữ liệu quan trắc. Cung cấp nền tảng truy xuất nguồn gốc và hỗ trợ dự báo dịch bệnh.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ	Dữ liệu vùng nuôi trồng thủy sản; dữ liệu quan trắc (độ mặn, môi trường); dữ liệu sản phẩm OCOP; dữ liệu truy xuất nguồn gốc: Thông tin sản phẩm,	2028

STT	Nhóm lĩnh vực	Tên CSDL / HTTT	Mô tả / mục tiêu	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Phạm vi dữ liệu chính	Thời gian hoàn thành xây dựng/ nâng cấp
						chuỗi cung ứng, chất lượng, vùng sản xuất.	
5	Kinh tế số	CSDL OCOP	Quản lý tổng thể sản phẩm OCOP tỉnh Gia Lai	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ	Xây dựng bản đồ sản phẩm OCOP tỉnh Gia Lai	2028
6	Kinh tế số	CSDL về Năng lượng	Quản lý thông tin về năng lượng trên địa bàn tỉnh, cung cấp thông tin quản lý quy hoạch năng lượng tỉnh, đẩy mạnh năng lượng sạch, năng lượng tái tạo	Sở Công Thương	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính và các đơn vị liên quan	Dữ liệu dự án năng lượng, Dữ liệu quy hoạch năng lượng.	Theo lộ trình thực hiện CSDL năng lượng quốc gia
7	Kinh tế số	CSDL Khoáng sản & Tài nguyên địa chất	Quản lý thông tin khoáng sản, khai thác bền vững	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ	Địa điểm, Trữ lượng, Trữ lượng khai thác.	2027
8	Kinh tế số	CSDL Lao động	Quản lý thông tin lao động, biến động việc làm trên toàn tỉnh	Sở Nội vụ	Sở Khoa học và Công nghệ	Tổng số lao động, Nhu cầu việc làm, Trình độ	Theo lộ trình thực hiện CSDL lao động quốc gia

STT	Nhóm lĩnh vực	Tên CSDL / HTTT	Mô tả / mục tiêu	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Phạm vi dữ liệu chính	Thời gian hoàn thành xây dựng/ nâng cấp
						lao động, Biến động thị trường lao động	
9	Đô thị thông minh	CSDL bản đồ tỉnh	Thống nhất hóa dữ liệu không gian. Phục vụ công khai quy hoạch, quản lý trật tự xây dựng và là nền tảng cốt lõi cho Bản sao số (Digital Twin)	Sở Xây dựng	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Dữ liệu nền địa lý độ phân giải cao (1:2000, 1:5000); dữ liệu bản đồ; dữ liệu quy hoạch đô thị và nông thôn; dữ liệu cấp phép xây dựng (tích hợp CSDL về GPXD trên phần mềm hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng của Bộ Xây dựng đã triển khai trước); dữ liệu số nhà.	2026
10	Môi trường	CSDL Quan trắc môi trường tự động	Giám sát chất lượng không khí, nước, môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường		Dữ liệu quan trắc IoT (không khí, nước, nước thải); dữ liệu nguồn thải,... Dữ liệu thời tiết, mực nước, cảm biến, vùng rủi ro	2026

STT	Nhóm lĩnh vực	Tên CSDL / HTTT	Mô tả / mục tiêu	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Phạm vi dữ liệu chính	Thời gian hoàn thành xây dựng/ nâng cấp
11	Môi trường	CSDL Đa dạng sinh học	Quản lý, bảo tồn đa dạng sinh học	Sở Nông nghiệp và Môi trường		Loài sinh vật, hệ sinh thái	2027
12	An sinh xã hội	Cơ sở dữ liệu y tế về khám chữa bệnh	Xây dựng và phát triển hệ sinh thái y tế số tỉnh Gia Lai hiện đại, đồng bộ và thông minh; bảo đảm dữ liệu khám chữa bệnh được thu thập, lưu trữ, chuẩn hóa và liên thông giữa các cơ sở y tế trong toàn tỉnh. Ứng dụng công nghệ số để cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe chất lượng cao, thuận tiện, an toàn cho người dân; đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh mọi lúc, mọi nơi, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý y tế và chất	Sở Y tế	Sở Khoa học và Công nghệ; UBND các phường/xã	Dữ liệu thông tin khám bệnh, dữ liệu Bệnh án điện tử -EMR, dữ liệu hình ảnh y tế - PACS, dữ liệu thông tin xét nghiệm -LIS, dữ liệu lâm sàng (CDSS), dữ liệu được phẩm và trang thiết bị y tế...	2028

STT	Nhóm lĩnh vực	Tên CSDL / HTTT	Mô tả / mục tiêu	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Phạm vi dữ liệu chính	Thời gian hoàn thành xây dựng/nâng cấp
			lượng phục vụ người bệnh				
13	An sinh xã hội	Cơ sở dữ liệu Hồ sơ sức khỏe điện tử (PHR)	Xây dựng, quản lý và khai thác cơ sở dữ liệu Hồ sơ sức khỏe điện tử cho toàn bộ người dân trên địa bàn tỉnh, bảo đảm cập nhật đầy đủ thông tin sức khỏe suốt vòng đời, được chuẩn hóa và liên thông với các cơ sở dữ liệu y tế quốc gia và các hệ thống thông tin khám chữa bệnh. Ứng dụng công nghệ số nhằm hỗ trợ theo dõi, chăm sóc sức khỏe liên tục, quản lý bệnh không lây nhiễm và cung cấp dịch vụ y tế dự phòng, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân	Sở Y tế	UBND các phường/xã		2028

STT	Nhóm lĩnh vực	Tên CSDL / HTTT	Mô tả / mục tiêu	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Phạm vi dữ liệu chính	Thời gian hoàn thành xây dựng/nâng cấp
14	An sinh xã hội	Cơ sở dữ liệu y tế về dự phòng	Xây dựng và hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu y tế dự phòng, bảo đảm kết nối, liên thông dữ liệu giám sát dịch tễ từ tuyến cơ sở đến tuyến tỉnh và Trung ương; Ứng dụng công nghệ phân tích dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo để giám sát, phát hiện sớm nguy cơ bùng phát dịch bệnh, phát hành cảnh báo sớm và hỗ trợ công tác chỉ đạo, điều hành trong phòng, chống dịch bệnh trên địa bàn tỉnh	Sở Y tế	UBND các phường/xã	Dân số, an toàn thực phẩm, truyền thông, giáo dục sức khỏe trong y tế... tích hợp các nguồn dữ liệu liên quan như môi trường, thời tiết, di biến động dân cư....	2028

PHỤ LỤC 4
BẢNG TỔNG HỢP CÁC DỰ ÁN ỨNG DỤNG DỮ LIỆU
(kèm theo Quyết định số / ngày tháng năm 2026 của UBND tỉnh Gia Lai)

STT	Tên dự án	Mục tiêu	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
1	Xây dựng Kho dữ liệu dùng chung	Kho dữ liệu dung chung kết nối với Trung tâm dữ liệu quốc gia, hỗ trợ tổng hợp, phân tích và chia sẻ dữ liệu trong toàn tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở Ban Ngành	2026
2	Xây dựng nền tảng tổng hợp và phân tích dữ liệu	Nền tảng tổng hợp và phân tích dữ liệu từ nhiều nguồn, áp dụng AI hỗ trợ phân tích và xử lý dữ liệu	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở Ban Ngành	2026
3	Xây dựng và vận hành Trung tâm giám sát và điều hành thông minh cấp tỉnh (IOC)	Tổng hợp dữ liệu theo thời gian thực, hỗ trợ ra quyết định dựa theo dữ liệu	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở Ban Ngành	2026
4	Xây dựng và vận hành Trung tâm an toàn thông tin cấp tỉnh (SOC)	Giám sát bảo mật an toàn thông tin cấp tỉnh	Công an Tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	2026
5	Xây dựng hệ thống văn hóa, thể thao du lịch thông minh	Phân tích hành vi du khách, gợi ý điểm đến, tối ưu dịch vụ, quản lý di sản,	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Khoa học và Công nghệ	2027

STT	Tên dự án	Mục tiêu	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
		lễ hội, hỗ trợ quản lý vận động viên, thể thao thành tích			
6	Triển khai Blockchain truy xuất nguồn gốc OCOP	Đảm bảo minh bạch, tin cậy cho sản phẩm OCOP	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ	2027
7	Xây dựng nền tảng Bản sao số (Digital Twin)	Mô phỏng, dự báo phát triển hạ tầng, giao thông, môi trường. Cung cấp các dịch vụ đô thị thông minh cho người dân, doanh nghiệp.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và môi trường	2027-2028: Thí điểm 5 phường/xã 2029-2030: Mở rộng đa lĩnh vực với các khu đô thị, khu kinh tế trọng điểm
8	Ứng dụng AI cảnh báo thiên tai & Biến đổi khí hậu	Dự báo, cảnh báo sớm thiên tai, lũ lụt, sạt lở	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ	2027
9	Hệ thống quản lý công nghiệp	Thu thập dữ liệu công nghiệp và vận tải toàn tỉnh, phân tích dữ liệu giúp hỗ trợ điều hành, ra quyết định phát triển công nghiệp.	Sở Công Thương	Ban quản lý khu kinh tế; Sở Khoa học và Công nghệ	2027

STT	Tên dự án	Mục tiêu	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
10	Hệ thống quản lý logistic	Thu thập dữ liệu vận tải toàn tỉnh, phân tích dữ liệu giúp hỗ trợ điều hành, ra quyết định hỗ trợ tối ưu dịch vụ và chi phí logistic trong tỉnh.	Sở Công Thương	Ban quản lý khu kinh tế; Sở Khoa học và Công nghệ	2027
11	Xây dựng và triển khai ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) hỗ trợ lãnh đạo tỉnh trong việc tìm kiếm và truy xuất dữ liệu, đặc biệt là dữ liệu chính quyền số. Phát triển các tính năng như: tìm kiếm nhanh, tổng hợp số liệu và ra lệnh bằng giọng nói	Xây dựng và triển khai ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) để hỗ trợ lãnh đạo tỉnh trong việc tìm kiếm và truy xuất dữ liệu, đặc biệt là dữ liệu chính quyền số. Ứng dụng sẽ phát triển các tính năng như tìm kiếm nhanh, tổng hợp số liệu và ra lệnh bằng giọng nói, nhằm nâng cao hiệu quả công tác chỉ đạo và điều hành.	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	2026